

BÀI CA NGẮT NGUỒNG

(2 tiết)

NGUYỄN CÔNG TRÚ

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Hiểu được tâm hồn khoáng đạt, ưa tự do, thích vẫy vùng cho thoả chí nam nhi cùng thái độ tự tin và có phần ngạo đời của Nguyễn Công Trứ.
- Thấy được khả năng của thơ hát nói trong việc biểu hiện những tư tưởng, tình cảm phóng túng, lãng mạn.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Phần nội dung

a) Trong thời gian gần đây, cách đánh giá của giới nghiên cứu văn học về Nguyễn Công Trứ và thơ văn ông đã có nhiều đổi mới. Đối với mảng thơ thể hiện "tư tưởng hành lạc" trong sáng tác của ông, sự phủ định hay đánh giá khe khắt đã dần nhường chỗ cho sự khẳng định dựa trên những phân tích sâu sắc về giá trị nhân bản và tính thẩm mỹ của nó. Quả thực, khi biết đặt sáng tác Nguyễn Công Trứ trong một bối cảnh văn học, văn hoá rộng hơn, ta sẽ thấy thái độ đề cao thú chơi của ông có một ý nghĩa tích cực, vượt lên cái khuôn khổ đạo lí "khắc kỉ phục lễ"⁽¹⁾ khô cứng và hẹp hòi. Không chỉ thế, có nhà nghiên cứu đã nhận thấy sự nhất quán của Nguyễn Công Trứ ở cả hai mảng thơ "hành đạo" và "hành lạc" : "Té ra cả "hành lạc" lẫn "hành đạo", cả sự hưởng thú vui lẫn việc thực hiện sứ mệnh của người anh hùng trên đời đều là sự chơi, cuộc chơi. Trong cuộc chơi kéo dài suốt đời ấy, con người phải luôn luôn dốc hết sức mình mưu cầu thắng lợi, vững tin rằng cuộc chơi có ý nghĩa, đồng thời biết ứng phó bình thản, cao tay với những rủi may do "hoá nhi đa hí lộng" đem lại (người chơi với trời đất thì trời đất cũng chơi lại với người !). Bạc anh hùng trượng phu vì vậy vừa khao khát công danh, vừa "vô cầu", "yên sở ngộ", vừa hăng say nhập thế, vừa biết thanh thản xuất thế, vừa biết "hành" vừa biết "tàng", coi hành tàng về thực chất không khác gì nhau ("hành tàng bất nhị kì quan"). Hiển vinh hay bị sỉ nhục, thành đạt hay thất bại – người trượng phu đều chấp nhận một cách thản nhiên"⁽²⁾.

(1) *Khắc kỉ phục lễ* : ép mình để hướng theo lễ (đạo đức phong kiến).

(2) Phạm Vĩnh Cư, *Thơ "hành lạc" của Nguyễn Công Trứ và dòng thơ "an lạc" thế giới*, *Tạp chí Văn học*, số 7 - 1995.

b) Có nhiều văn bản chép bài thơ với một số điểm dị biệt. Văn bản được chọn vào SGK *Ngữ văn Nâng cao* hiện nay được lấy từ sách *Sự nghiệp và thi văn của Uy Viễn tướng công Nguyễn Công Trứ*, Lê Thuộc biên soạn, Lê Văn Tân xuất bản, 1928. GV từng quen dạy theo chương trình cũ cần chú ý tới một số câu chữ khác biệt ở văn bản bài thơ trong sách mới, nếu không, dễ đọc nhầm và chú thích nhầm về câu chữ.

c) Có những tư liệu mới cho phép giải thích khác đi về một số câu trong bài thơ, đặc biệt là hai câu 7 – 8 (xem thêm bài viết của Đoàn Lê Giang được giới thiệu ở phần *Tài liệu tham khảo*).

2. Về phương pháp

– Khi hướng dẫn đọc - hiểu bài thơ, GV cần giúp HS thấy được khía cạnh tích cực của phong cách sống, thái độ sống mà Nguyễn Công Trứ đã thể hiện trong bối cảnh xã hội thời ấy. Có thể dành một khoảng thời gian thích đáng vào cuối tiết học cho HS bình luận, đánh giá về điều này nhằm rút ra những bài học cần thiết. Nếu phải dùng khái niệm "tư tưởng hành lạc" thì cũng nên thuyết minh, có thể thay đổi cụm từ trên bằng cụm từ "tư tưởng sống vui, vui sống".

– Nên cho HS nghe băng hoặc đĩa thể hiện *Bài ca ngất ngưỡng* như một bài hát nói điển hình với sự phối hợp thơ – nhạc và phong cách hát mang tính đặc trưng của nó.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phần mở đầu

– GV cho HS đọc phần *Tiểu dẫn* ; yêu cầu tóm tắt những thông tin cơ bản được giới thiệu trong đó về Nguyễn Công Trứ và về bài thơ. Bước đầu gợi cho HS thấy : Nguyễn Công Trứ đã có một cuộc đời thật phong phú và cũng khá khác thường.

– Dựa vào phần *Tri thức đọc - hiểu*, nói một cách thật khái quát về thể thơ hát nói. Lưu ý HS : *Bài ca ngất ngưỡng* là bài thơ hát nói loại đôi khổ.

2. Phần nội dung chính

– Cho HS đọc bài thơ. Hướng dẫn cách đọc : nhịp điệu hơi nhanh với hai khổ đầu ; chậm lại, hơi có chút ngâm nga với hai khổ tiếp đó ; hơi nhấn giọng ở từ *ngất ngưỡng* và các điệp từ *khi, không*,... Nhìn chung, phải làm toát lên được giọng tự tin, phóng khoáng của bài thơ.

– Kiểm tra việc nắm bắt nghĩa các từ ngữ khó đã được chú thích trong SGK, đặc biệt là hai câu thuần chữ Hán (câu 1 và câu 5).

– Tổ chức thảo luận – trả lời các câu hỏi nêu trong phần *Hướng dẫn học bài*.

Câu hỏi 1

Con người tác giả hiện lên trong bài thơ là một con người lạc quan, ham sống, ưa hành động, biết gánh vác việc lớn vì xã hội mà cũng biết sống cho mình. Mọi hành xử đều toát ra vẻ tự do, khoáng đạt, đầy ý thức.

Câu hỏi 2

Câu hỏi yêu cầu HS làm rõ nét độc đáo trong cách tự xưng của tác giả.

Những từ, cụm từ mà tác giả đã dùng để tự xưng : *Ông Hi Văn tài bộ, tay ngát ngưỡng, ông ngát ngưỡng, ông* (cũng có thể kể thêm cụm từ *phường Hàn, Phú*). Mới đọc qua bài thơ, người đọc dễ tưởng có một ai đó đang nói về Nguyễn Công Trứ chứ không phải chính ông, bởi những *ông, những tay* đã được dùng như các đại từ thuộc ngôi thứ ba. Ở đây, Nguyễn Công Trứ đã khách quan hoá chính mình để tiện cho việc soi ngắm và đánh giá. Phải là người vô cùng tự tin mới làm nổi điều này. Nhà thơ ý thức rất rõ rằng mình là một giá trị hiển nhiên giữa đời, không thể phủ nhận. Ông tỏ ra rất thích thú khi tự gọi mình như thế. Ông ngông nghênh đặt mình ngang hàng với những nhân vật lỗi lạc ngày xưa. Kết cấu câu *chẳng... cũng* ("Chẳng Trái, Nhạc cũng vào phường Hàn, Phú") thể hiện rất đậm nét thái độ đó.

Câu hỏi 3

Câu hỏi muốn HS chú ý làm rõ giá trị của một từ có tính chất chìa khoá trong bài là *ngát ngưỡng*. Nếu không hiểu được hàm nghĩa của từ này trong văn bản sẽ không hiểu được toàn bộ tư tưởng, cảm xúc mà tác giả đã thể hiện.

Có đến bốn lần từ *ngát ngưỡng* được dùng trong bài, mà lại dùng ở những câu then chốt (câu cuối của mỗi khổ) và ở vị trí then chốt của câu (từ cuối cùng – trừ câu 19, do mô hình vần của thể loại không cho phép). Nhìn chung, sức nặng tư tưởng, sức nặng của sự biểu đạt được dồn tụ ở từ ấy và ở những vị trí ấy.

Theo *Từ điển tiếng Việt* của Viện Ngôn ngữ học (2003), từ *ngát ngưỡng* đồng nghĩa với từ *ngát nghều*, được dùng để chỉ người ở thế không vững, lắc lư nghiêng ngả như chực ngã. Từ *ngát ngưỡng* được Nguyễn Công Trứ dùng không hẳn theo

nghĩa này, dù ta vẫn nhận ra sự liên hệ giữa nghĩa trong bài với nghĩa quen thuộc, thông dụng. Có thể thấy ông chủ động đặt mình vào vị thế ngất ngưỡng, mà đã thế, sự ngất ngưỡng ở đây hàm chứa một thái độ, một quan niệm sống. Rõ ràng con người ông không muốn khép mình vào khuôn phép mà muốn tự do hành xử theo đòi hỏi của cái cá nhân và điều đáng nói nữa là sự hành xử đó vẫn dẫn ông đến những thành công đáng tự hào, vượt lên trên thiên hạ (từ *ngất ngưỡng* ít nhất có một nét nghĩa chỉ vị thế ngời ở trên cao). Tất nhiên, muốn ngất ngưỡng được như ông thì phải có nội lực thâm hậu, có lòng tin ở mình và biết coi rẻ cái *được mất* và sự *khen chê* theo tiêu chí tâm thường. Toàn bộ những việc Nguyễn Công Trứ đã làm, toàn bộ cung cách hành xử mà ông đã thể hiện (dù khi tại chức hay khi đã về hưu) được kể tới trong bài đều cho thấy ông quả là một tay ngất ngưỡng hiếm thấy. Hơn thế, ngay cách ông kể về sự ngất ngưỡng của mình cũng góp phần tô đậm thêm sự ngất ngưỡng mà ông vốn có. Nói tóm lại, theo bài thơ của Nguyễn Công Trứ, từ *ngất ngưỡng* không chỉ một tư thế ngời cụ thể mà chỉ một thái độ sống "lệch chuẩn" và một loại hình nhân cách khác thường trong xã hội phong kiến vốn chỉ chấp nhận sự vâng phục "Ở vào khuôn phép, nói ra mối rường".

Câu hỏi 4

Trong nửa sau của bài thơ từ câu 9 đến câu 19, tác giả làm nổi rõ thái độ sống, phong cách sống của mình lúc đã ra "ngoài vòng cương toả". Thực chất Nguyễn Công Trứ vẫn rất nhất quán với mình, có điều, khi làm một hưu quan, ông có nhiều điều kiện hơn để thể hiện sự phóng túng và tư tưởng sống vui, vui sống của bản thân.

Sống, với Nguyễn Công Trứ là biết coi trọng cái hiện thế, hiện tại, biết thưởng thức, nếm trải những thú vui có trong đời như thú ngoạn cảnh thiên nhiên, chùa chiền, thú hát cô đầu, thú uống rượu, v.v. Đã là một tay tài tử, làm sao có thể thờ ơ với tất cả những cái đó? Mọi sự được mất hãy nên phóng tâm coi nhẹ, đừng quan trọng hoá vấn đề. "Khen chê phơi phới ngọn đông phong" trước hết là một sự phớt lờ, bỏ qua những lời đàm tiếu, nhưng sau đó là cảm giác lâng lâng nhẹ nhõm của một kẻ tự do, biết vượt lên trên những phép tắc ràng buộc. Nhưng điều đáng nói là việc tôn trọng ý thích của bản thân mình không dẫn nhà thơ tới thái độ hư vô chủ nghĩa. Trước sau ông vẫn là một nhà nho coi trọng tư tưởng hành đạo, có tinh thần nhập thế tích cực và luôn tâm niệm "Nghĩa vua tôi cho vẹn đạo sơ chung".

Trong đoạn thơ xuất hiện khá nhiều từ láy ngoài từ *ngát ngưỡng* như : *phau phau, đủng đỉnh, dương dương, phơi phơi*. Những từ này cho thấy đoạn thơ chú trọng vào việc miêu tả cảm giác, trạng thái tinh thần của tác giả khi đã thoát khỏi vòng cương toả, khác với đoạn trước nghiêng về kể khái quát những công tích đạt được. Từ *kìa* cũng gắn liền với sự miêu tả, như muốn bày ra trước độc giả một cảnh tượng thật thích chí. Nhìn chung, cả đoạn thơ thấm một ý vị hài hước rất hấp dẫn, cho thấy nhà thơ khá bằng lòng với mình, có tự giễu cợt mình cũng là giễu cợt trên tinh thần tự tin rất mực. Điệp từ *khi* được dùng kèm với những tiếng trắc, tiếng bằng luân phiên trong câu "Khi ca, khi tửu, khi cắc, khi tùng" ngoài nghĩa liệt kê vốn có gắn liền với ý niệm về thời gian còn thêm sắc thái biểu cảm rõ nét, diễn tả được cái ngả nghiêng thoải mái của nhà thơ trong những cuộc chơi bất tận.

Câu hỏi 5

Giữa lối sống *ngát ngưỡng* và tâm niệm "Nghĩa vua tôi cho vẹn đạo sơ chung" thực ra không có gì mâu thuẫn với nhau. Phần *Những điểm cần lưu ý* ở trên đã có giải thích về vấn đề này. Đối với Nguyễn Công Trứ, ngay khi thực hiện *nghĩa vua tôi*, ông cũng thể hiện sự *ngát ngưỡng* của mình. Có lẽ phải như thế thì ông mới tồn tại được trong một cuộc chơi đầy thú vị mà không ít hiểm nguy giữa cuộc đời. Cũng cần phải nói thêm : một mẫu hình nhân cách như Nguyễn Công Trứ chỉ có thể xuất hiện khi trong nền tảng tinh thần của chế độ phong kiến đã xuất hiện những rạn nứt, đổ vỡ và khi ý thức cá nhân của con người đã phát triển đến một trình độ nhất định. Vào thời thịnh của chế độ phong kiến, giữa cái *ngát ngưỡng* và cái *vẹn đạo quân thần* chưa chắc đã có sự thống nhất. Và với một ai khác, *ngát ngưỡng* nhiều khi chỉ biểu lộ một thái độ bất mãn mà thôi.

Câu hỏi 6

Đây là câu hỏi khó, được đưa ra để HS có cơ hội tìm hiểu những nét cách tân trong thi pháp thơ Việt Nam trung đại ở cuối thời phong kiến, đồng thời xây dựng cho mình những ý niệm đầu tiên về một loại hình câu thơ mới mà vị trí sẽ được khẳng định trong những thời kỳ văn học sau – loại hình câu thơ điệu nói.

Cách nói của khẩu ngữ xuất hiện khá dày trong bài thơ. Trước hết là cách xưng hô, cách tự nói về mình bằng các đại từ *ông, tay*. Cùng với nó là lớp từ vựng mang tính chất nôm na, thông tục như *vào lòng, tay kiếm cung, một đôi dì, nực cười, phường*. Cũng phải kể đến giọng sống động của khẩu ngữ, của lời nói thường

ở những câu "Kìa núi nọ phau phau mây trắng" và "Chẳng Trái, Nhạc cũng vào phường Hàn, Phú" cùng âm hưởng đối thoại toát lên từ toàn bộ bài thơ (không phải đối thoại trực tiếp mà là đối thoại ngầm với những cách sống, kiểu sống khác, tầm thường và hèn kém).

Tính chất khẩu ngữ của ngôn từ đã đem lại cho bài thơ một vẻ đẹp sống động và gần gũi, phù hợp hoàn toàn với cốt cách con người tác giả. Nhờ nó, ta tiếp nhận bài thơ như tiếp nhận một lời nói, giọng nói trực tiếp. Độc giả hoàn toàn có thể tưởng tượng thấy đi kèm với các câu thơ là ánh mắt giễu cợt, là nụ cười hóm hỉnh hài hước, là dáng vẻ nghênh ngang của một kẻ ung dung bước giữa đường đời.

3. Phần củng cố

– *Bài ca ngất ngưỡng* thể hiện đậm nét lí tưởng sống của Nguyễn Công Trứ : coi tất cả là một cuộc chơi và luôn hết mình trong cuộc chơi ấy. Nhà thơ không thấy có gì mâu thuẫn giữa cái vì đời và cái vì mình. Ông vừa tự hào về những đóng góp của bản thân vừa tự hào về thái độ sống ngất ngưỡng mà mình đã thể hiện ở mọi nơi, mọi lúc.

– Trong bài thơ, giữa nội dung tư tưởng, cảm xúc mà nhà thơ muốn biểu lộ với "ngôn ngữ riêng" của thể thơ hát nói có một sự cộng hưởng tốt đẹp. Có lẽ phải nhờ đến thể thơ hát nói, cái ngất ngưỡng của Nguyễn Công Trứ mới được thể hiện hết cung bậc và ngược lại, phải nhờ đến cái ngất ngưỡng đó thì thể thơ hát nói mới phát lộ hết những tiềm năng của mình trong việc thể hiện những nhu cầu, khao khát của con người cá nhân, tự do (trong phạm vi văn học trung đại).

IV – HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BÀI TẬP NÂNG CAO

Bài ca ngất ngưỡng thuộc loại bài thơ hát nói *dôi khổ* gồm 19 câu. Câu đầu tiên gieo vần chân, mang thanh trắc (*sự*) và vần này ứng đối với vần lưng (*bộ*) ở câu liền kề. Hai câu 2 – 3 gieo vần chân, thanh bằng ; hai câu 4 – 5 gieo vần chân, thanh trắc ; cứ thế đáp đối luân phiên theo từng cặp một cho đến hết. Đây đúng là mô hình vần của một bài thơ hát nói điển hình. Trong một bài thơ hát nói thường thấy có những câu đối hay câu thuận chữ Hán. *Bài ca ngất ngưỡng* cũng không phải là ngoại lệ. Hai câu thuận chữ Hán trong bài là "Vũ trụ nội mạc phi phận sự" và "Đô môn giải tổ chi niên". Số tiếng trong các câu của bài hát nói không thật cố định và *Bài ca ngất ngưỡng* cũng có đặc điểm này.

Đó là nói về phương diện hình thức thuần túy. Riêng về phương diện nội dung, *Bài ca ngát ngưỡng* của Nguyễn Công Trứ cũng như các bài thơ hát nói khác hấp dẫn chủ yếu ở giọng điệu, ở việc bày tỏ những tư tưởng, tình cảm tự do, phóng túng, thoát ra ngoài khuôn khổ.

Thể thơ hát nói là "thể thơ của con người cá nhân và tự do" (Trần Đình Hượu). Số tiếng không cố định trong câu thơ và số câu không hạn định chặt chẽ trong bài thơ (nhất là với bài thơ hát nói đôi khổ) đã cho phép tác giả bày tỏ một cách thoải mái nguồn cảm hứng dồi dào của mình. Không chỉ thế, sự chuyển đổi vần bằng, vần trắc luân phiên trong các câu, các khổ ; sự biến hoá đa dạng trong nhịp ngắt ; sự được phép đưa vào những câu thuần chữ Hán,... đã đưa lại cho ta ấn tượng rằng người làm thơ không gặp phải bất cứ một sự gò bó nào (muốn kể, muốn tả, muốn nghiêm túc, muốn giỡn đùa đều được). Điều quan trọng là anh có tận dụng được tính phóng khoáng đó của thể loại để diễn tả tâm tình, suy nghĩ của mình hay không. Có thể nói, với thể thơ hát nói, Nguyễn Công Trứ đã hoàn toàn được là mình. Thể thơ hát nói đã cho văn học Việt Nam một Nguyễn Công Trứ như ta đã biết và ngược lại chính Nguyễn Công Trứ đem lại được cho thể thơ hát nói một vị trí vinh dự trong bảng thể loại văn học của dân tộc.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

- *Thơ văn Nguyễn Công Trứ*, NXB Văn học, H., 1983.
- *Nguyễn Công Trứ – Về tác gia và tác phẩm*, Trần Nho Thìn tuyển chọn và giới thiệu, NXB Giáo dục, 2007 (tái bản lần 3).
- Phạm Vĩnh Cư, *Thơ "hành lạc" của Nguyễn Công Trứ và dòng thơ "an lạc" thế giới*, *Tạp chí Văn học*, số 7 - 1995.
- Đoàn Lê Giang, *Vấn đề văn bản "Bài ca ngát ngưỡng" của Nguyễn Công Trứ*, *tạp chí Nghiên cứu Văn học*, số 2 - 2006.
- Trần Đình Sử, *Bài ca ngát ngưỡng*, trong sách *Đọc văn, học văn*, NXB Giáo dục, 2001.
- Trần Thị Băng Thanh, *Bài ca ngát ngưỡng*, trong sách *Giảng văn chọn lọc văn học Việt Nam*, NXB Hà Nội, 1998.
- Lê Trí Viễn, *Bài ca ngát ngưỡng*, trong sách *Đến với thơ hay*, tập hai, NXB Giáo dục, 2005.